UBND PHƯỜNG TÂY HOA LƯ
TRƯỜNG MN SƠN HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /QĐ-MNSH

Sơn Hà, ngày 15 tháng 1 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Mầm non Sơn Hà

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON SƠN HÀ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ban hành ngày 15/06/2025.

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND Phường Tây Hoa Lư về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Kế toán Trường Mầm non Sơn Hà

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Mầm non Sơn Hà *(theo các biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường MN Sơn Hà, bộ phận kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phòng KTHT & ĐT Phường Tây Hoa Lư
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

U.B.N.D PHƯỜNG TÂY HOA LƯ TỈNH TRƯỜNG MẦM NON SƠN HÀ

Mai Thị Xuân Nga

Được quét bằng CamScanner

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường MN Sơn Hà

Chương: 822

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-MN ngày 15/01/2026 của Hiệu trưởng Trường MN Sơn Hà)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Nghìn Đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	-
1		-
1	Lệ phí	
	Học phí	
2	Phí	
	Phí …	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	-
1	***Chi sự nghiệp giáo dục***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	60% Học phí chi hoạt động chuyên môn	
	40% Học phí chi cải cách tiền lương	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
2	Phí	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**5.896.060**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**5.896.060**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**5.896.060**
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**5.885.000**
a	***Các khoản có tính chất tiền lương***	***4.997.000***
	Lương theo ngạch bậc, phụ cấp lương, các khoản đóng góp	4.997.000
b	***Các khoản không có tính chất tiền lương***	***888.000***
3.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**11.060**
a	***Các khoản có tính chất tiền lương***	
	Lương theo ngạch bậc, phụ cấp lương, các khoản đóng góp	

Được quét bằng CamScanner

TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Chi trả bảo vệ trường	
b	***Các khoản không có tính chất tiền lương***	***11.060***
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	

Được quét bằng CamScanner

TT	Nội dung	Dự toán được giao
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Được quét bằng CamScanner